*Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng*
**Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value**
*(Ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính)*
*(Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)*

# BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
*REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE*

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước**
*To: - State Securities Commission of Vietnam*

| | | |
|---|---|---|
| **1.** | **Tên Công ty quản lý quỹ:**<br>*Fund Management Company:* | **Công ty cổ phần Quản lý Quỹ HD**<br>*HD Fund Management Joint Stock Company* |
| **2.** | **Tên Ngân hàng giám sát:**<br>*Supervising bank:* | **Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa**<br>*Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch* |
| **3.** | **Tên Quỹ:**<br>*Fund name:* | **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LỢI TỨC CAO HD**<br>**HD HIGH YIELD BOND FUND** |
| **4.** | **Kỳ báo cáo:**<br>*Reporting Period:* | **Từ 27/10/2026 đến 02/11/2026**<br>*From 27-Oct-2026 to 02-Nov-2026* |
| **5.** | **Ngày lập báo cáo:**<br>*Reporting Date:* | **03/11/2026**<br>*3-Nov-2026* |

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

**Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value**

| STT NO | CHỈ TIÊU CRITERIA | KỲ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD 02/11/2026 | KỲ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD 26/10/2026 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Giá trị tài sản ròng (NAV)**<br>Net Asset Value | | |
| **1** | **Giá trị tài sản ròng đầu kỳ**<br>Net Asset Value at the beginning of period | | |
| 1.1 | *của quỹ/per Fund* | 51,930,974,004 | 53,522,184,315 |
| 1.2 | *của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate* | 11,714.64 | 12,067.06 |
| **2** | **Giá trị tài sản ròng cuối kỳ**<br>Net Asset Value at the end of period | | |
| 2.1 | *của quỹ/per Fund* | 53,965,139,411 | 51,930,974,004 |
| 2.2 | *của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate* | 12,179.43 | 11,714.64 |
| **3** | **Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó:**<br>Change of NAV during period, in which: | | |
| 3.1 | *Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ*<br>*Change of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period* | 2,060,273,324 | (1,562,675,131) |
| 3.2 | *Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ*<br>*Change of NAV related to investors during the period* | (26,107,917) | (28,535,180) |
| 3.2.1 | *Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ*<br>*Change of NAV due to profit distribution to investors during the period* | - | - |
| 3.2.2 | *Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ*<br>*Change of NAV due to subscription, redemption during the period* | (26,107,917) | (28,535,180) |
| **4** | **Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước**<br>Change of NAV per Fund certificate during period in comparison with the last period | 464.79 | - 352.42 |
| **5** | **Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất**<br>Highest/Lowest NAV within the latest 52 weeks | | |
| 5.1 | *Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)* | 56,977,512,836 | 56,977,512,836 |
| 5.2 | *Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)* | 51,930,974,004 | 51,930,974,004 |
| **6** | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)**<br>Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund) | | |
| 6.1 | *Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates* | - | - |
| 6.2 | *Tổng giá trị/Total value* | - | - |
| 6.3 | *Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio* | - | - |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**
*Authorised Representative of Supervisory Bank*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1, CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100150619-079
Reason: I am approving this document
Location:
Date: 2026.11.03 10:00:19+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN**
**CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa**
**Nguyễn Thị Minh Châu**
**Phó Giám đốc Chi nhánh**

**Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ**
*Authorised Representative of Fund Management Company*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD, L=TPHCM, UID=MST:0306274696, E=MAITRANG.HVTC92@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.03 09:30:36+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.3.0

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD**

**Nguyễn Thành Long**
**Tổng Giám đốc**